TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/10/ 2022
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tự Sinh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng
Bà Võ Thị Yến Lan

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021, về việc *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Cao Văn T, sinh năm 1961; Cư trú tại: Số 287 AC, phường HH, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1964; Cư trú tại: 104 Lauren Wood Cir Taylors, SC 296873166 (South Carolina), United States of America. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Văn T trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim O kết hôn vào ngày 22/02/1989 tại Ủy ban nhân dân phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ; số đăng ký kết hôn 31/HT.89, quyển số I; ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, giữa ông và bà O thường xảy ra xung đột về quan điểm, tính cách không hợp nhau. Dẫn đến không thể chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tháng 07/2016, bà O cùng con gái định cư tại Mỹ. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ trước nên ông không theo vợ con định cư tại Mỹ, mà ở lại Việt Nam. Ông và bà O xa cách nhau từ tháng 7/2016 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Tình cảm hôn nhân và đời sống chung hai vợ chồng không còn gì nên ông nhận thấy không thể kéo dài hôn nhân thêm nữa.

Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O. Về con chung: Ông T có nguyện vọng giao con Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 19/5/2005 cho bà O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai nhận không có.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O đã được Tòa án cấp tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa. Ngày 19/7/2022, Tòa án nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim O (Bản dịch được chứng nhận ngày 28/6/2022) thể hiện nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý chấp nhận chấm dứt cuộc hôn nhân theo nguyện vọng của chồng bà là ông Cao Văn T.

Về con chung: vợ chồng bà có 01 cháu tên là Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 19/5/2005. Hiện cháu Cao Nguyễn Thảo N đang sống với bà O. Ly hôn, nguyện vọng của bà mong muốn nuôi con. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết các tài sản chung trong hôn nhân.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có khoản nợ và trách nhiệm pháp lý chung trong hôn nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; Điều 122; Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Cao Văn T đối với bà Nguyễn Thị Kim O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Ông Cao Văn T có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết cho ông được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Kim O; Hiện bà O đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ 104 Lauren Wood Cir Taylors, SC 296873166 (South Carolina), United States of America. Căn cứ quy định tại Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Cao Văn T.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa và giấy triệu tập cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O, theo phương thức được quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 19/7/2022, Tòa án đã nhận được Văn bản trình bày ý kiến của bà O đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa ngày 24/10/2022, bị đơn bà O vắng mặt mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O tìm hiểu, yêu thương nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 22/02/1989 tại Ủy ban nhân dân phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ; có số đăng ký kết hôn 31/HT.89, quyển số I. Việc đăng ký kết hôn giữa ông T và bà O trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà O được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, ông T và bà O phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không phù hợp về tính cách, không có sự chia sẽ trong cuộc sống vợ chồng. Hơn nữa, mỗi người sống mỗi nơi, ông T sinh sống tại Việt Nam, còn bà O và con gái Cao Nguyễn Thảo N định cư tại Hoa Kỳ.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà O đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Yêu cầu ly hôn của ông Cao Văn T đối với bà Nguyễn Thị Kim O là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông T; cho ông Cao Văn T được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Kim O.

[2.3] Về con chung: Ông T và bà O cùng xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 19/5/2005. Ly hôn, ông T có nguyện vọng giao con chung cho bà O được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà O cũng thống nhất theo ý kiến của ông T và nguyện vọng của bà O mong muốn được nuôi cháu N (Ý chí của bà O thể hiện tại Bản tường trình, bản dịch được chứng nhận ngày 28/6/2022 tại Translation Shop – Bang South Carolina). Hội đồng xét xử xét thấy cháu Cao Nguyễn Thảo N hiện do bà O trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ (Ý chí của cháu N thể hiện tại Bản tường trình, bản dịch được chứng nhận ngày 23/6/2022 tại Translation Shop – Bang South Carolina).

Hội đồng xét xử xét giao cháu Cao Nguyễn Thảo N cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết. Bà O khai nhận vợ chồng thỏa thuận tự giải quyết tài sản chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.6] Về nợ chung: Ông T và bà O cùng xác định không có khoản nợ chung.

[2.7] Về án phí*:* Ông Cao Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.8] Về lệ phí: Ông Cao Văn T phải chịu phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[2.9] Về chi phí tố tụng khác:

+ Về chi phí thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài, tống đạt văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Kim O, ông T phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về chi phí dịch thuật, chứng thực hồ sơ ủy thắc tư pháp ra nước ngoài ông T phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về chi phí gửi văn bản tố tụng bằng đường bưu chính ra nước ngoài cho bị đơn O, ông T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147; Điều 149; Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Cao Văn T đối với bà Nguyễn Thị Kim O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Cao Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Cao Nguyễn Thảo N, sinh ngày 19/5/2005 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Cao Văn T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004842 ngày 15/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Vậy, ông T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về lệ phí: Ông Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 200.000 đồng mà ông T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004886 ngày 15/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông T đã nộp đủ tiền án lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

7. Về chi phí tố tụng khác:

+ Về chi phí dịch thuật, công chứng hồ sơ, công chứng hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Ông T phải chịu 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng), đã nộp và chi xong.

+ Về chi phí cấp tống đạt văn bản tố tụng ra ước ngoài cho bị đơn: Ông Cao Văn T tự nguyện chịu.

8. Về quyền kháng cáo: Ông Cao Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp, bà Nguyễn Thị Kim O vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày cấp tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân phường TB;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Tự Sinh